

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2022/HNGĐ-ST
Ngày 30 - 12 - 2022
Về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi
con*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thúy Liễu

2. Bà Trang Thị Huỳnh Phương

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Hậu, Thẩm tra viên
Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh: Ông
Trịnh Văn Thanh, kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu
Thành, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ
lý số: 32/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2022 về việc: “*Ly hôn, tranh
chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2022/QĐST-HNGĐ,
ngày 22 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Lâm Văn L, sinh năm 1975 (vắng mặt, có đơn xét xử
vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp B A, xã LH, huyện CT, tỉnh TV.

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Hồng C, sinh năm 1979 (vắng mặt, không có
lý do);

Địa chỉ: Ấp B A, xã LH, huyện CT, tỉnh TV.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Trong đơn khởi kiện đề ngày 21/4/2022 và các lời khai trong quá trình
giải quyết vụ án anh Lâm Văn L trình bày:

Hôn nhân: Anh L Văn L và chị Nguyễn Thị Hồng C xác lập quan hệ hôn
nhân vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LHA, huyện
CT, tỉnh TV. Thời gian đầu anh L và chị C chung sống hòa hợp, hạnh phúc với

nhau nhưng sau đó thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, lý do chị C thường xuyên cò bạc nợ nần, anh L đã nhiều lần khuyên răn nhưng chị C không thay đổi. Năm 2014 thì chị C bỏ nhà đi cho đến nay. Ngày 28/3/2022 Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh ra Quyết định số: 02/2022/QĐST-VDS về việc “*Yêu cầu tuyên bố một người mất tích*” đã tuyên bố chị Nguyễn Thị Hồng C mất tích. Nay, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn thương yêu nhau, ly thân đã lâu, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh L yêu cầu ly hôn với chị C.

Con chung: Trong quá trình anh L và chị C chung sống thì anh chị có 02 người con chung tên Lâm Thế B, sinh ngày 20/6/2000 và Lâm Tâm N, sinh ngày 01/01/2005. Con chung tên Lâm Thế B đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Con chung Lâm Tâm N, anh L yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu giải quyết.

Tài sản chung, nợ chung: anh Lâm Văn L trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ý kiến của cháu Lâm Tâm N có nguyện vọng được sống chung với cha là Lâm Văn L.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Nguyễn Thị Hồng C bị Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh TV tuyên bố mất tích vắng mặt tại phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay, Vị kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát trình bày quan điểm như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự thực hiện đúng theo các quy định tại các Điều 51, 68, 97, 70, 71, 196, 203, 208, 220 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Nội dung vụ án: Vị kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 51, 56, 58 Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Hôn nhân: Cho anh Lâm Văn L được ly hôn với chị Nguyễn Thị Hồng C.

+ Con chung: Giao cho anh Lâm Văn L trực tiếp nuôi con chung tên Lâm Tâm N, sinh ngày 01/01/2005 theo nguyện vọng của cháu Như. Anh L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

+ Tài sản chung, nợ chung: Anh L trình bày không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

+ Án phí: Anh Lâm Văn L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị Hồng C là bị đơn cư trú tại ấp BSA, xã LH, huyện CT, tỉnh TV. Anh Lâm Văn L yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị Hồng C, yêu cầu nuôi con chung nên căn cứ tại khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh TV, xác định quan hệ “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*”.

- Anh Lâm Văn L có đơn xin xét xử vắng mặt, chị Nguyễn Thị Hồng C được Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh TV tuyên bố mất tích vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đưa ra xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

- Quan hệ hôn nhân: Anh Lâm Văn L và chị Nguyễn Thị Hồng C xác lập quan hệ hôn nhân năm 2002 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LH, huyện CT, tỉnh TV là hôn nhân được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Anh Lâm Văn L và chị Nguyễn Thị Hồng C sau khi kết hôn chung sống hạnh phúc được một thời gian nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi nhau, năm 2014 thì chị C bỏ nhà đi cho đến nay. Ngày 28/3/2022 Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh ra Quyết định tuyên bố chị Nguyễn Thị Hồng C mất tích. Xét thấy chị C bỏ nhà đi từ năm 2014 đến nay không liên lạc gì với anh L, căn cứ khoản 2 Điều 56 quy định “Trong trường hợp vợ hoặc chồng của người bị Tòa án tuyên bố mất tích yêu cầu ly hôn thì Tòa án giải quyết cho ly hôn”. Hội đồng xét xử xét thấy cho anh L được ly hôn với chị C là có cơ sở.

[3] Con chung: Anh L và chị C có 02 người con chung tên Lâm Thế B, sinh ngày 20/6/2000 và Lâm Tâm N, sinh ngày 01/01/2005. Con chung L Thế Bảo đã trưởng thành và phát triển bình thường. Giao con chung tên Lâm Tâm N, sinh ngày 01/01/2005 cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng theo nguyện vọng của cháu N là phù hợp với quy định của pháp luật tạo điều kiện cho cháu N phát triển tốt về tinh thần và thể chất. Nên Hội đồng xét xử xét thấy giao con chung cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng là đảm bảo việc nuôi dưỡng, giáo dục con chung phát triển tốt về tinh thần và thể chất. Anh L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Lâm Văn L trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Án phí: Anh Lâm Văn L chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

[6] Xét đề nghị của Viện kiểm sát là có cơ sở để chấp nhận.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39, Điều 147, Điều 227; Điều 228, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Lâm Văn L. Cho anh Lâm Văn L được ly hôn với chị Nguyễn Thị Hồng C.

Con chung: Giao con chung Lâm Tâm N, sinh ngày 01/01/2005 cho anh Lâm Văn L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Lâm Văn L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Tài sản chung, nợ chung: Anh Lâm Văn L trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh L Văn L chịu toàn bộ án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng mà anh L đã nộp theo lai thu số 0012116, ngày 13/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh. Anh L không phải nộp thêm.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú của đương sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

** Nơi nhận:*

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đoàn Thị Thu Trang

